

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HS-ST

Ngày: 25-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông **Nguyễn Quốc Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Linh**, nguyên Hiệu Trưởng trường Tiểu học Thị trấn A, huyện Châu Thành;

2. Ông **Võ Trần Nguyễn**, Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện Châu Thành.

Thư ký phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Lan**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa : Ông **Phạm Quốc Thắng**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2018/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T, sinh năm 1998, tại tỉnh Bình Dương.

Nơi cư trú: Tổ 2, khu phố 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Kim H; vợ con: chưa có; tiền án không, tiền sự: không; nhân thân: theo Quyết định số 71/QĐ-XPHC ngày 16-11-2015 của Công an Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành xử phạt Nguyễn Tấn T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với mức phạt 375.000 đồng, Nguyễn Tấn T đã chấp hành xong ngày 26-11-2015; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21-4-2018, tạm giam ngày 27-4-2018. (có mặt)

Bị hại: Dương H S, sinh ngày 22-12-2001; trú tại: ấp Thành Tân, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.(có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại là: ông Dương Văn H, sinh năm 1976; trú tại: ấp Thành Tân, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.(là cha của bị hại, có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ, ngày 19-4-2018, Nguyễn Tấn T và bạn là Hồ Ngọc Như Y, sinh năm 1999, trú tại ấp Xóm Ruộng, xã Trí Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến nhà Nguyễn Hữu Lộc, sinh năm 1997 trú cùng ấp để uống rượu. Tại đây, T uống rượu cùng với anh Lộc, Dương H S, sinh ngày 22-12-2001, trú tại ấp Thành Tân, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Thanh Tuấn, sinh năm 2000, trú tại ấp Bô Lớn, xã Hòa Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh và Nguyệt là bạn gái của Tuấn và một số người khác. Đến khoảng 19 giờ cả nhóm cùng đến nhà T để tiếp tục uống rượu, đến khoảng 23 giờ thì cả nhóm cùng Trịnh Thị Hoài Thi, sinh năm 2002, trú tại ấp Bắc Bến Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến nhà ngoại của Thi để tiếp tục uống rượu. Tại đây, Tuấn nhờ T đưa về nhà nên T hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ- trắng- đen, biển số 70H1-314.30 của Dương H S để đưa Tuấn và Nguyệt về và hứa sẽ trả lại cho S ngay sau đó.

Ngay sau đưa Tuấn và Nguyệt về, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên nên T không trả xe lại cho S mà điều khiển xe sang Campuchia cầm cố được 7.000.000 đồng, số tiền này T khai nhận là dùng vào việc đánh bạc tại Casino thua hết. Đến chiều ngày 20-4-2018, không thấy T trả lại xe nên S đã trình báo Công an. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, T đã đến Công an xã Thành Long đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá số: 19/KL-HĐĐG ngày 26-4-2018 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu đỏ- trắng- đen đã qua sử dụng, biển số 70H1-314.30, số khung: P710AY016000, số máy: 5P71016000, đăng ký lần đầu 02-2010, trị giá 35.300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 37/QĐ-KSĐT ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T về tội danh trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 06 đến 09 tháng tù.

Bị cáo T tự bào chữa: Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có Y kiến gì bào chữa cho mình.

Bị cáo T nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và có cơ hội làm một công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại Dương H S là người dưới 18 tuổi, có người đại diện tham gia tố tụng là ông Dương Văn H là cha ruột của bị hại S. Căn cứ vào khoản 1 Điều 420 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Do muốn có tiền để đánh bạc nên bị cáo T đã mượn xe của bị hại S, sau đó mang sang Campuchia cầm cố để lấy tiền đánh bạc và thua hết dẫn đến không có khả năng trả lại T sản cho bị hại. Bị cáo T nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

Xét lời khai nhận của bị cáo T phù hợp với biên bản người phạm tội ra đầu thú, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Mặc dù, vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo T một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bảo đảm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, xét thấy bị cáo T thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các

tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối bị cáo.

Tuy bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng có nhân thân xấu, năm 2015 bị cáo T sử dụng trái phép chất ma túy và bị xử lý vi phạm hành chính (đã chấp hành xong). Trước lần phạm tội này, bị cáo T đã nhiều lần mượn xe của người khác mang sang Campuchia cầm cố để lấy tiền đánh bạc nhưng được gia đình T đi chuộc về trả lại cho chủ sở hữu. Đây cũng là các tình tiết được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo T.

Bị cáo T không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về các biện pháp tư pháp: Tại phiên tòa, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Tấn T bồi thường thiệt hại số tiền chuộc lại tài sản là 7.000.000 (bảy triệu) đồng, bị cáo T đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền như yêu cầu. Xét thấy bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bồi thường và bị cáo T đồng ý yêu cầu của bị hại là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[5] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ nên không xử lý.

[6] Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

1. **Tuyên bố:** Bị cáo **Nguyễn Tấn T** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn T 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 21-4-2018 (ngày tạm giữ).

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn T tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được

thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. **Về vật chứng:** Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ nên không xử lý.

4. **Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ Toạ Phiên Tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Nhà tạm giữ Châu Thành;
- Thi hành án hình sự;
- Người TGTT;
- Sở TP;
- Lưu tập án; Lưu hồ sơ

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng